TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số:04/2019/KDTM - PT
Ngày 15 - 10 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa;

Các Thẩm phán: Ông Lương Văn Đài và bà Trần Thị Khánh Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 08/5/2019 của Toà án nhân dân huyện B bị kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐ-PT ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Ngọc K là ông Bùi Hồng H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai (Theo Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người được ông Bùi Hồng H ủy quyền lại là ông Nguyễn Đình L - Chức vụ: Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2018 - Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thiên D - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 24 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Đình L trình bày: Ngày 27 tháng 8 năm 2014, ông Nguyễn Thiên D có ký hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201402090 vay vốn tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai, với số tiền vay là 600.000.000VNĐ (*Sáu trăm triệu đồng*). Mục đích vay để thực hiện kinh doanh mua, bán phế thải, phế liệu. Trong hợp đồng tín dụng giao kết giữa Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai và ông Nguyễn Thiên D đã thỏa thuận, ông Nguyễn Thiên D phải thanh toán tiền lãi suất hàng tháng cho ngân hàng vào ngày 28 và số tiền gốc thanh toán 01 kỳ là 600.000.000VNĐ (*Sáu trăm triệu đồng*). Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 28 tháng 02 năm 2015, với mức lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Ngày 29 tháng 01 năm 2013 ông Nguyễn Thiên D và Nguyễn Thị N đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29, thế chấp diện tích đất ở 170m^2 tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số P1-01 đã được Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD241829 mang tên ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N để bảo đảm cho khoản vay vốn của các hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lào Cai.

Quá trình trả nợ: Đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 28/02/2014, ông Nguyễn Thiên D đã không thực hiện đúng cam kết tại hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201402090 ngày 27 tháng 08 năm 2014 và giấy nhận nợ số 8807LDS201415660 ngày 28/8/2014 đã ký với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện B, Lào Cai, nên toàn bộ dư nợ chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 28/02/2015. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai đã nhiều lần thông báo cho ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N yêu cầu trả nợ khoản tiền dư nợ đến hạn trả, nhưng ông

Nguyễn Thiên D không có mặt tại địa phương, chỉ có vợ là bà Nguyễn Thị N ở nhà cam kết trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị N cũng không thực hiện đúng cam kết, không có khả năng hoàn trả khoản tiền đã vay. Đến nay ông Nguyễn Thiên D và Nguyễn Thị N đã đi khỏi nơi cư trú. Từ sau ngày 17/12/2018 đến ngày 23/4/2019 thì hàng tháng bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai mỗi tháng được từ 500.000VNĐ đến 1.000.000VNĐ tiền gốc thông qua tài khoản của ngân hàng, nhưng không đến ngân hàng và không đến Tòa án theo giấy triệu tập đã niêm yết để giải quyết vụ án.

Kể từ ngày vay tiền 28/8/2014, đến ngày xét xử 08/5/2019 ông Nguyễn Thiên D và Nguyễn Thị N đã trả cho Ngân hàng khoản tiền gốc nhiều lần, tổng cộng là 200.363.000VNĐ (*Hai trăm triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng*). Dư nợ số tiền gốc ông Nguyễn Thiên D và Nguyễn Thị N còn phải hoàn trả là 399.637.000VNĐ (*Ba trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi bẩy nghìn đồng*). Số tiền lãi suất quá hạn phát sinh là 292.603.924VNĐ (*Hai trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm linh ba nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng*). Tổng số tiền gốc và lãi suất quá hạn 692.240.924VNĐ (*Sáu trăm chín mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng*).

Việc ông Nguyễn Thiên D và Nguyễn Thị N không trả nợ khoản vay đúng cam kết theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn, thiệt hại về kinh tế cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện B, Lào Cai. Ông Nguyễn Thiên D là người đại diện hộ đăng ký kinh doanh (Theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh) sử dụng tiền vay vào mục đích chung của hộ gia đình là kinh doanh thương mại mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai: Buộc ông Nguyễn Thiên D và Bà Nguyễn Thị N phải liên đới hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện B, Lào Cai, số tiền đã vay tại Hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201402090 ngày 27 tháng 08 năm 2014, dư nợ gốc đến ngày xét xử 08/5/2019 là 399.637.000VNĐ và khoản tiền lãi suất quá hạn tính từ ngày 11/5/2015 đến ngày xét xử 08/5/2019 là 292.603.924VNĐ. Tổng số tiền gốc và lãi suất quá hạn phải trả là 692.240.924VNĐ. Trường hợp ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả, đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai buộc ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29 ngày 29 tháng 01 năm 2013 và hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng tài sản số 01/HĐUQ ngày 01/4/2015 đối với khoản tiền gốc vay và khoản tiền lãi suất qua hạn phát sinh từ hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thiên D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào

Cai, đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N bằng hình thức niêm yết theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra còn thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Nhưng ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM - ST ngày 08/5/2019 của TAND huyện B đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 288; 299; 317; 318; 320; 323; 463; 466; 470 và điểm b, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, số tiền là: 692.240.924VNĐ (*Sáu trăm chín mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc là 399.637.000VNĐ(*Ba trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi bẩy nghìn đồng*). Số tiền lãi suất quá hạn tính đến ngày 08/5/2019 là 292.603.924VNĐ (*Hai trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm linh ba nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng*).

Nghĩa vụ hoàn trả theo phần được xác định như sau:

Ông Nguyễn Thiên D phải hoàn trả cho Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là: 346.120.462VNĐ (*Ba trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm hai mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng*).

Bà Nguyễn Thị N phải hoàn trả cho Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là: 346.120.462VNĐ (*Ba trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm hai mươi nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng*).

Trường hợp ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ liên đới hoàn trả khoản tiền gốc đã vay còn lại và khoản tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý phát mại tài sản đã thế chấp, để thu hồi các khoản nợ của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29 ngày 29 tháng 01 năm 2013 và hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng tài sản số 01/HĐUQ ngày 01/4/2015 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lào Cai. (*Thực trạng tài sản thế chấp theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 01/3/2019).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, phát sinh sau ngày 08/5/2019 theo mức lãi suất mà các bên thỏa

thuận trong hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201402090 ngày 27 tháng 8 năm 2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201402090 ngày 27 tháng 8 năm 2014, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì lãi suất mà ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo mức điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. *Về án phí*: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thiên D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu 17.306.023VNĐ *(Mười bảy triệu, ba trăm linh sáu nghìn, không trăm hai mươi ba đồng)* khoản tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.591.321VNĐ *(Mười lăm triệu, năm trăm chín mươi mốt nghìn, ba trăm hai mốt đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0007829 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 07/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định kháng nghị số 10/QĐKNPT-VKS-KDTM đối với Bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM - ST ngày 08/5/2019 của TAND huyện B với lý do bản án tính án phí theo phần là không đúng và việc thu thập chứng cứ không đầy đủ, Hợp đồng thế chấp chỉ bảo đảm cho một khoản vay còn một khoản vay không có bảo đảm nhưng bản án lại tuyên Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thể chấp để thu hồi cả hai khoản nợ là không đúng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên nội dung khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với Quyết định kháng nghị số 10/QĐKNPT-VKS-KDTM, ngày 07/6/2019 đối với Bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM - ST ngày 08/5/2019 của TAND huyện B được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành trong thời hạn luật định và đã được giao cho các đương sự hợp pháp là cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án.

[2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29 ngày 29/01/2013 bên thế chấp là ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N, bên nhận thế chấp là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện B được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B đăng ký ngày 26/02/2013. Tại Hợp đồng thế chấp do các bên xác lập 29/01/2013 xác định tài sản thế chấp là thửa đất số 129 tờ bản đồ số P1-01 diện tích 170m2 (GCNQSDĐ số BD241829 vào sổ cấp số CH 00089 ngày 18/10/2010 do UBND huyện B cấp, chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N, giá trị tài sản các bên thống nhất định giá là 374.000.000đ, phạm vi nghĩa vụ bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết là 280.500.000đ. Hợp đồng này do hai bên xác lập hoàn toàn đúng với các quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và được đăng ký đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị đối với việc các bên xác lập và thực hiện hợp đồng này.

[3] Xét Hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201402090 Ngày 27 tháng 8 năm 2014, bên cho vay Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai, bên vay là ông Nguyễn Thiên D, số tiền vay là 600.000.000VNĐ (*Sáu trăm triệu đồng*). Mục đích vay để thực hiện kinh doanh mua bán phế thải, phế liệu. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 28 tháng 02 năm 2015. Hợp đồng này do hai bên xác lập hoàn toàn đúng với các quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bản án sơ thẩm đã xác định số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 08/5/2019 mà ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 692.240.924đ, sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với việc các bên xác lập và thực hiện hợp đồng này.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai:

[4.1] Về việc Tòa án thu thập tài liệu không đầy đủ về việc Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29 được các bên xác lập ngày 29/01/2013 nhưng đến ngày 27/8/2014 các bên mới xác lập hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201402090 thì ngoài việc bảo đảm cho hợp đồng tín dụng này thì còn bảo đảm cho hợp đồng nào khác không ?: Thấy rằng, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29 được các bên xác lập ngày 29/01/2013 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B đăng ký ngày 26/02/2013 chứng nhận về việc thế chấp quyền sử dụng đất với ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện B, tại Hợp đồng thế chấp do các bên xác lập 29/01/2013 xác định tài sản thế chấp là thửa đất số 129 tờ bản đồ số P1-01 diện tích 170m2 (GCNQSDĐ số BD241829 vào sổ cấp số CH 00089 ngày 18/10/2010 do UBND huyện B cấp, giá trị tài sản các bên thống nhất định giá là 374.000.000đ, phạm vi nghĩa vụ bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết là 280.500.000đ, Hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29 ngày 29/01/2013 với số tiền mà bị đơn vay là 600.000.000đ trong đó có 280.000.000đ là có tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp trên, phần còn lại không có tài sản bảo đảm. Xét về trình tự thời gian thì Hợp đồng thế chấp được các bên giao kết có trước hợp đồng tín dụng là phù hợp và hợp pháp. Tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng đã xác định hình thức bảo đảm tiền vay đã xác định tài sản bảo đảm tiền vay bằng Hợp đồng thế chấp số 29 ngày 29/01/2013, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng khẳng định các hợp đồng vay trước đó đã được ông D bà Nhật trả đầy đủ và các bên đã ký thanh lý hết các hợp đồng tín dụng trước, Hợp đồng thế chấp số 29 này chỉ đảm bảo cho một khoản vay còn lại duy nhất theo hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201402090 Ngày 27 tháng 8 năm 2014. Như vậy, đã đủ căn cứ để khẳng định Hợp đồng thế chấp số 29 ngày 29/01/2013 chỉ đảm bảo cho một khoản vay duy nhất theo hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201402090 Ngày 27 tháng 8 năm 2014. Việc kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai cho rằng cấp sơ thẩm thu thập thiếu tài liệu để chứng minh là không có căn cứ pháp luật, nên nội dung kháng nghị này không được chấp nhận.

[4.2] Về việc bản án sơ thẩm tuyên Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản mà ông D bà Nhật thế chấp là không đúng, gây khó khăn trong việc thi hành án: Thấy rằng tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông D bà Nhật, giá trị tài sản thế chấp nhỏ hơn khoản nợ Ngân hàng do hộ ông D bà Nhật phải trả vì vậy, Bản án sơ thẩm tuyên nếu ông D bà Nhật không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp là phù hợp và đúng pháp luật nên nội dung kháng nghị này không được chấp nhận.

[4.3] Về việc bản án sơ thẩm tuyên Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý phát mại tài sản đã thế chấp, để thu hồi các khoản nợ của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng

đất số 29 ngày 29 tháng 01 năm 2013 và hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng tài sản số 01/HĐUQ ngày 01/4/2015 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lào Cai là không đúng pháp luật vì Hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng tài sản này được giao kết không hợp pháp (Thiếu người đồng sở hữu là ông D) nên không phát sinh hiệu lực. Xét thấy, việc tuyên thêm về hợp đồng ủy quyền là thừa và không đúng pháp luật vì vậy, nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai là có căn cứ pháp luật cần được chấp nhận.

[4.4] Về việc bản án sơ thẩm tuyên án phí không đúng: Thấy rằng, Tổng số tiền mà ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 692.240.924đ. Bản án sơ thẩm đã chia phần trả nợ cho ông D và bà Nhật là không đúng với quy định của Bộ luật dân sự 2005 vì ông D vay tiền với tư cách là đại diện hộ kinh doanh cá thể vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 107 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì giao dịch dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cả hộ gia đình vì vậy trong trường hợp này Tòa án phải tuyên hộ ông Nguyễn Thiên D bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tính đến ngày 08/5/2019 là 692.240.924đ. Trong đó số tiền nợ gốc là 399.637.000VNĐ (*Ba trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi bẩy nghìn đồng*). Số tiền lãi suất quá hạn tính đến ngày 08/5/2019 là 292.603.924VNĐ(*Hai trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm linh ba nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng*) và Tòa án phải buộc hộ ông D bà Nhật phải chịu tiền án phí KDTM theo tổng số tiền phải trả là đúng quy định của pháp luật. Nên việc kháng nghị bản án sơ thẩm về phần án phí của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai là có căn cứ pháp luật cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần nội dung Quyết định kháng nghị số 10/QĐKNPT-VKS-KDTM, ngày 07/6/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai; sửa Bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 08/5/2019 của TAND huyện B như sau:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 288; 299; 317; 318; 320; 323; 463; 466; 470 và điểm b, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, số tiền là: 692.240.924VNĐ (*Sáu trăm chín mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc là 399.637.000VNĐ(*Ba trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi bẩy nghìn đồng*). Số tiền lãi suất quá hạn tính đến ngày 08/5/2019 là 292.603.924VNĐ(*Hai trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm linh ba nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng*).

Trường hợp hộ gia đình ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền gốc đã vay còn lại và khoản tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng. Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29 ngày 29 tháng 01 năm 2013 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Lào Cai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, hộ ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, phát sinh sau ngày 08/5/2019 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201402090 ngày 27 tháng 8 năm 2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 8807-LAV-201402090 ngày 27 tháng 8 năm 2014, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì lãi suất mà hộ ông Nguyễn Thiên D và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo mức điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. *Về án phí*: Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Thiên D bà Nguyễn Thị N phải nộp khoản tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 31.689.500đ*(Ba mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng)*.

Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.591.321VNĐ *(Mười lăm triệu, năm trăm chín mươi mốt nghìn, ba trăm hai mốt đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0007829 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

'Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6,7,7 a, 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS Bảo Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hữu Khoa